TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:14/2023/DS-ST
Ngày: 06-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Đặng Nhật Trường***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ***Nguyễn Tấn Đạt***

2.Bà ***Đoàn Sơn Lâm.***

- *Thư ký phiên tòa*: Bà ***Đặng Thị Mỹ Y*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, thành phố C tham gia phiên toà:* Ông ***Nguyễn Tiến Lễ***- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Trụ sở A, phường 4, quận 3, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á.

Địa chỉ: Số 11-11A-13 An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố H.

Người được ủy quyền: Ông Hoàng Trọng T1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh thành phố H.

Địa chỉ: SR18 – SR19 Trung tâm thương mại Quy Nhơn, 07 Nguyễn Tất Thành, phường L, thành phố Q, tỉnh B(theo văn bản ủy quyền số 520/2020/UQ ngày 31/12/2020)

Đại diện theo ủy quyền lại của ông T1:

- Ông Phạm An N – Chức vụ: Phó Phòng xử lý nợ.

- Ông Nguyễn Văn T2 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

- Ông Vũ Duy N1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ: SR18 – SR19 Trung tâm thương mại Quy Nhơn, 07 Nguyễn Tất Thành, phường L, thành phố Q, tỉnh B(theo văn bản ủy quyền số 376/2022/UQ-AMC ngày 27/6/2022)

Bị đơn: Lê Thanh P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố C.

(Ông Thanh có đơn xin vắng mặt, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 05/9/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Lê Thanh P ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng số 0177/2019/612-CV và hợp đồng sử dụng thẻ ngày 05/9/2019 để vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm, lãi suất trong hạn là 27%/năm, mục đích vay tiêu dùng, vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo. Quá trình sử dụng thẻ, ông Lê Thanh P đã thanh toán được 7.207.095 đồng, trong đó tiền gốc là 1.193.670 đồng; tiền lãi phát sinh là 6.013.625 đồng. Ngày thanh toán cuối cùng của ông P là ngày 14/10/2020. Sau ngày 14/10/2020, Ngân hàng đã chuyển T bộ dư nợ của khách hàng sang quá hạn và tính lãi suất quá hạn theo Hợp đồng là 150% lãi suất trong hạn.

Ông Lê Thanh P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 12 của Bảng các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Nam Á), sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng TMCP Nam Á đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển T bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 10 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Nam Á). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để Lê Thanh P trả nợ nhưng ông vẫn không thực hiện.Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng TMCP Nam Á của ông Lê Thanh P đã vi phạm

các điều khoản cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Nam Á.Tổng dư nợ của khoản vay tạm tính đến ngày 06/4/2023 là: 60.954.615 đồng, trong đó: Nợ gốc: 28.806.330 đồng; Nợ lãi phát sinh: 32.148.285 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng số 0177/2019/612-CV và hợp đồng sử dụng thẻ ngày 05/9/2019.

Bị đơn ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 60.954.615 đồng, trong đó: Nợ gốc: 28.806.330 đồng; Nợ lãi phát sinh: 32.148.285 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất của Giấy Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng số 0177/2019/612-CV và hợp đồng sử dụng thẻ ngày 05/9/2019 cho đến xong số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa ông Thanh đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Thanh và ông P theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng thẻ tín dụng ký kết giữa một bên chủ thể đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng

ký kinh doanh, sử dụng tiền vay vào mục đích tiêu dùng nên chưa hội đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng dân sự thẻ tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận huyện Vĩnh Thạnh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, loại việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố C.

[3] Về nội dung: Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 60.954.615 đồng, trong đó: Nợ gốc: 28.806.330 đồng; Nợ lãi phát sinh: 32.148.285 đồng. Qua thu thập các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ trên cơ sở tài liệu chứng cứ chứng minh là hợp đồng tín dụng số 0177/2019/612-CV và hợp đồng sử dụng thẻ ngày 05/9/2019; 01 thẻ tín dụng loại thẻ JCB kèm theo căn cước công dân và sổ hộ khẩu của ông P. Phía ông P vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi việc khởi kiện của Ngân hàng và các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án đã thông báo. Ông P không đưa ra chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, cần phải buộc bị đơn chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 60.954.615 đồng, trong đó: Nợ gốc: 28.806.330 đồng; Nợ lãi phát sinh: 32.148.285 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng số 0177/2019/612-CV và hợp đồng sử dụng thẻ ngày 05/9/2019 là phù hợp với các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Nam Á.

Buộc ông Lê Thanh P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Nam Á số tiền 60.954.615 đồng, trong đó: Nợ gốc: 28.806.330 đồng; Nợ lãi phát sinh: 32.148.285 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án

vay vốn, hợp đồng tín dụng số 0177/2019/612-CV và hợp đồng sử dụng thẻ ngày 05/9/2019 nhưng phải phù hợp với qui định pháp luật

Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Thanh P phải chịu 3.047.700 đồng *(Ba triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn bảy trăm đồng)*

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.262.000 đ *(Một triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0006471 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố C.

Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

T1 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND TP. C;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Nhật Trường